**Tiết 05-06**

**Đọc văn:**

**THƯƠNG VỢ**

- Trần Tế Xương -

**NỘI DUNG CẦN ĐẠT**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1. Tác giả**

**a. Cuộc đời, con người**  
- Trần Tế Xương (1870- 1907) thường gọi là Tú Xương quê ở làng Vị Xuyên , huyện Mĩ Lộc, tỉnh Nam Định .

- Sinh ra và lớn lên trong buổi thực dân xâm lược, Hán học đã suy tàn, thân phận nhà nho càng thấm thía nỗi nhục của người trí thức nô lệ.  
- Con người: **Cá tính, sắc sảo, phóng túng**khó gò vào khuôn sáo trường quy nên **dù có tài song thi cử lận đận  
b. Sự nghiệp**  
- Số lượng: khoảng 100 tác phẩm, chủ yếu là thơ Nôm và một số bài văn tế, câu đối, phú.  
- Sáng tác của ông gồm hai mảng: trào phúng và trữ tình  
**Cuộc đời nhiều gian truân nhưng ông đã để lại một sự nghiệp thơ ca bất tử.  
2. Tác phẩm**  
- Thể loại: thất ngôn bát cú Đường luật  
- Đề tài: viết về người vợ.  
- Bố cục: đề, thực, luận, kết  
**Là một trong những bài thơ hay và cảm động nhất của TX viết về bà Tú.**  
**II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**

**1. Hai câu đề:**   
- Công việc: Buôn bán: ko phải là buôn bán lớn, có cửa hàng cửa hiệu nơi phố phường sầm uất, hay một gian hàng, một cái lều con ổn định nơi góc chợ mà chỉ là **gồng gánh, buôn bán nhỏ lẻ, lặn lội nơi đầu sông, cuối chợ, lam lũ, vất vả, cực nhọc**- Thời gian: *Quanh năm*: triền miên ko ngừng, ko nghỉ, hết ngày này sang ngày khác, hết năm này sang năm khác → nỗi vất vả của một đời người.  
- Địa điểm: Ở mom sông – dẻo đất nhô ra sông, nơi đầu sóng ngọn gió, chênh vênh, cheo leo, rất dễ sụt lở, mang tính chất tạm bợ, không cố định.  
→ Cuộc đời cơ cực, vất vả, phải vật lộn để kiếm sống.  
- “Nuôi đủ”: không có ai giúp đỡ, chỉ có mình bà gánh trọn nhiệm vụ nuôi chồng con, không để cho chồng con phải đói khổ, chỉ đủ để nuôi chồng con, không dư thừa, không có của để.  
→ Bà Tú đảm đang tháo vát nhưng để nuôi được chồng con thì rất vất vả, khó nhọc.  
- “Năm con với một chồng”  
+ Nhà thơ tự đặt mình ngang hàng với những đứa con, cho mình là “đứa con đặc biệt”.  
+ Từ “với”: Nhà thơ tự cho mình là kẻ ăn bám vợ, ăn theo cùng với những đứa con.  
+ 2 vế: 5 con /1 chồng: Số lượng giảm nhưng chất lượng lại tăng: Nuôi ông Tú khổ hơn nuôi 5 đứa con  
→ Cách nói đặc biệt với giọng điệu bông đùa, hóm hỉnh. Tiếng cười tự trào: Tác giả cười chính mình, cười một kẻ “ăn không ngồi rồi”, 1 kẻ vô tích sự đã làm cho gánh nặng trên vai người vợ nặng thêm. Gửi gắm tấm lòng cảm thông, biết ơn với người  
vợ, đồng thời câu thơ còn là sự ăn năn day dứt của nhà thơ..  
=> Hai câu thơ vừa giới thiệu công việc của bà Tú vừa là lời kể ghi công lao của bà Tú với chồng con. Phải là người yêu thương vợ hết mực, TX mới có thể hiểu và ghi công của vợ với cha con ông như vậy.

**b. Hai câu thực:**

- Hình ảnh thơ độc đáo, sáng tạo:

+ “Thân cò”: Hình ảnh quen thuộc trong ca dao xưa, ẩn dụ chỉ những người phụ nữ vất vả, tảo tần.  
+ “Thân” : Thân thế, số phận mà thường là số phận hẩm hiu, bất hạnh.  
→ Nhấn mạnh nỗi vất vả, gian truân của bà Tú và gợi nỗi đau thân phận.  
- “ Khi quãng vắng” ( dùng từ “khi” chứ không dùng từ “nơi”). Gợi cả không gian và thời gian  
→ Hình ảnh bà Tú trở lên nhỏ bé, đáng thương, tội nghiệp không chỉ trước sự rợn ngợp của không gian mà còn cả sự rợn ngợp của thời gian.  
- “ Eo sèo”: Âm thanh của những tiếng kì kèo, kêu ca, cãi vã để tranh hàng, giành khách.  
→ Gợi cảnh buôn bán bon chen, xô bồ, đầy những khó nhọc, vất vả.  
- “ Buổi đò đông”  
+ Con đò đông người  
+ Nhiều đò trên sông  
→ gợi cảnh đông đúc, chen chúc, xô lấn.  
=> Hai câu thơ đối nhau rất chỉnh với nghệ thuật đảo ngữ và những từ láy có sức gợi để làm nổi bật hơn những vất vả, nhọc nhằn, gian truân của bà Tú. Đồng thời thể hiện nỗi lòng xót thương và cảm thông sâu sắc cho người vợ yêu quý của mình của ông Tú.

**c. Hai câu luận**  
- Đối:         Một duyên        ><                 hai nợ  
 Nhân duyên hay duyên số      nợ tình, nợ nghĩa + nợ đời  
→ TX tự coi mình là cái **nợ đời** mà bà Tú phải gánh chịu  
-  Âu đành phận: cam chịu, chấp nhận, không phàn nàn oán trách .  
- Năm nắng mười mưa:  
+        Nắng mưa: sự vất vả  
+        Năm mười: số lượng phiếm chỉ, **số nhiều**, số đếm **tăng dần**  
→ Nhân lên sự vất vả, nhọc nhằn bội phần của bà Tú.  
- Dám quản công : Không kể công, kể sức.  
→ đức hi sinh cao đẹp, thầm lặng của bà Tú.  
=> tác giả đã **vận dụng rất khéo léo các thành ngữ và nghệ thuật đối rất chỉnh** để làm nổi bật đức tính hi sinh, nhẫn nhịn âm thầm của bà Tú: Bà không sống cho mình mà sống cho chồng, cho con. Sâu thẳm trong vẻ đẹp tâm hồn đó của bà Tú là lòng yêu thương chồng con tha thiết, sâu nặng. Đó cũng là tình cảm tự hào, quý trọng, biết ơn của tác giả.  
**\* Tiểu kết:** Bằng tình cảm yêu thương và biết ơn sâu sắc với vợ, Tú Xương đã vẽ nên chân dung chân thực và cảm động về bà Tú đảm đang, hi sinh tất cả vì chồng con. Nhà thơ ko chỉ hiểu và cảm nhận được những lo toan, vất vả, thầm lặng trong việc mưu sinh của người vợ hiền mà còn hiểu và cảm nhận được những suy nghĩ, tình cảm và nỗi niềm sâu kín của vợ mình. Nếu ko có sự cảm thông, tấm lòng yêu thương vợ chân thành, sâu sắc, hẳn Tú Xương ko thể viết nên những vần thơ tri ân cảm động đến vậy.

**d. Hai câu kết**  
- Chủ thể của tiếng chửi: ông Tú  
- Đối tượng của tiếng chửi:  
+ Chửi trực tiếp lễ giáo, tập tục pk hà khắc, bất công khiến những người PN vất vả, gian nan mà chẳng được ai biết đến. Chính thói đời ấy đã tạo ra những người đàn ông ăn ở bạc, hờ hững, khiến cho nhiều người PN có chồng mà ko hề được chia sẻ đỡ đần, phải một mình gánh vác công việc.  
+ Tự trách, tự rủa mát mát bản thân: chẳng đỗ đạt lại trở thành một anh học trò dài lưng tốn vải vô tích sự với vợ con.  Nhà thơ tự phán xét, lên án nhận lỗi chân thành yêu thương vợ, ơn vợ, tri ân vợ  
→ Đằng sau tiếng chửi là **nỗi đau chua xót** của tác giả khi nhận ra mình là quan tại gia ăn lương vợ. Bi kịch TX hay chính **là bi kịch dở dang** của cả một thế hệ trong thời buổi Hán học suy tàn  
   
**III. TỔNG KẾT**  
**1. Nghệ thuật**  
- Từ ngữ giản dị, giàu sức biểu cảm, vận dụng sáng tạo hình ảnh, ngôn ngữ trong văn học dân gian và trong đời sống hàng ngày.  
- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa 2 yếu tố: Trữ tình và trào phúng. Tiếng cười trong bài thơ là tiếng cười xót xa, nghẹn ngào.  
**2. Nội dung**  
Bài thơ đã khắc họa thành công **hình ảnh bà Tú tần tảo, vất vả nhưng đảm đang, giàu đức hi sinh.**Đó là vẻ đẹp truyền thống của người mẹ, người vợ Việt Nam. Qua đó, Tú Xương đã bộc lộ tình yêu thương, lòng biết ơn vợ ,tri ân vợ và nhân cách cao đẹp của mình. Tình cảm đó là chiều sâu nhân bản của bài thơ.

**Tiết: 07- 08**

#### **Làm Văn:**

#### **PHÂN TÍCH ĐỀ LẬP DÀN Ý BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. PHÂN TÍCH ĐỀ**

**1. Tìm hiểu ngữ liệu (SGK)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Các yêu cầu*** | ***Đề 1*** | ***Đề 2*** | ***Đề 3*** |
| ***Vấn đề nghị luận*** | ***Việc chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới*** | ***-Tâm sự của Hồ Xuân Hương trong Tự tình II*** | ***Vẻ đẹp của bài thơ Mùa thu câu cá*** |
| ***Hình thức của đề*** | ***-Có định hướng cụ thể 🡪 đề khép, đề nổi*** | ***- Không nêu cụ thể nội dung và phương hướng nghị luận🡪đề mở, đề chìm*** | ***Không nêu cụ thể nội dung và phương hướng nghị luận***  ***🡪 đề mở, đề chìm*** |
| ***Phạm vi vấn đề*** | ***- Vấn đề xã hội*** | ***Vấn đề văn học*** | ***Vấn đề văn học*** |

**2. Ghi nhớ:**

- Là công việc trước tiên trong quá trình làm một bài văn nghị luận.

- Cần đọc kĩ đề bài, chú ý những từ ngữ then chốt để xác định y/c về nội dung, phương pháp và phạm vi dẫn chứng.

**II. LẬP DÀN Ý**

Là sắp xếp các ý theo trật tự lô gích.

1. ***Xác lập luận điểm.***
2. ***Xác lập luận cứ***

Tìm những luận cứ làm sáng tỏ cho từng luận điểm

1. ***Sắp xếp luận điểm, luận cứ.***
2. Mở bài: Giới thiệu và định hướng triển khai vấn đề.
3. Thân bài: Sắp xếp các luận điểm, luận cứ trong luận điểm theo một trật tự lô gíc.

c. Kết bài: Tóm lược nội dung đã trình bày hoặc nêu những nhận định, bình luận, nhằm khơi gợi suy nghĩ cho người đọc.

**Ví dụ:** Lập dàn ý đề 1 (trang 23)

\* MB: ***Nêu vấn đề cần nghị luận*.**

- Giới thiệu câu nói của Vũ Khoan và nội dung của đề .

- Chép lại câu nói của Vũ Khoan ( dẫn đề).

\* TB(***Triển khai vấn đề bằng cách phân tích và chứng minh các ý của vấn đề theo trình tự logic* )**

- Luận điểm 1: Người VN có nhiều điểm mạnh: thông minh, nhạy bén với cái mới.

*+ Thông minh.*

*+ Nhạy bén cái mới.*

- Luận điểm 2: Người VN cũng không ít điểm yếu: thiếu hụt về kiến thức cơ bản, khả năng thực hành và sáng tạo hạn chế.

*+ Hổng về kiến thức.*

*+ Khả năng sáng tạo và thực hành hạn chế.*

-Luận điểm 3: Phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu là thiết thực chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mơí

*+ Chống học lệch.*

*+ Chống học chay- học vẹt.*

\* KL: - Khẳng định lại câu nói của Vũ Khoan

- Bài học cho bản thân?

* Đề 2: *Tâm sự của Hồ Xuân Hương trong bài Tự tình II có thể triển khai theo mạch* cảm xúc của bài thơ :

1. Cô đơn - bẽ bàng.

2. Đau buồn vì duyên tình không trọn vẹn.

3. Phẫn uất - phản kháng trước duyên phận.

4. Xót xa cho duyên phận hẩm hiu.

\*Đề 3: *Vẻ đẹp của bài thơ Câu cá mùa thu có thể triển khai theo các ý* :

1.Vẻ đẹp của cảnh thu.

2.Vẻ đẹp của tình thu.

3.Vẻ đẹp của cách sử dụng ngôn từ và bút pháp miêu tả thiên nhiên của tác giả.

**2.** Quá trình lập dàn ý bao gồm:

- Xác định luận điểm

- Xác lập luận cứ.

- Sắp xếp luận điểm, luận cứ

Cần có kí hiệu trước đề mục để phân biêt luận điểm, luận cứ trong bài

**III. LUYỆN TẬP**

Hãy lập dàn ý cho đề văn sau:

Cảm nghĩ của anh(chị) về giá trị hiện thực sâu sắc của đoạn trích *Vào phủ chúa Trịnh* ( trích *Thượng kinh ký sự* của Lê Hữu Trác)

***a. Mở bài:***

- Giới thiệu về Lê Hữu Trác và vị trí đoạn trích “Vaò phủ chúa Trịnh”.

- Gía trị hiện thực sâu sắc của đoạn trích.

***b. Thân bài:***

*\* Bức tranh sinh động, cụ thể về c/s trong phủ chúa*:

- Quang cảnh phủ chúa cực kì tráng lệ, lộng lẩy, biểu hiện một đời sống xa hoa, cầu kì song tù hảm, thiếu sinh khí, ngột ngạt

-Cung cách sinh hoạt trong phủ chúa.cho thấy quyền uy tối thượng nằm trong tay nhà chúa.

*\* Thái độ của LHT với cuộc sống trong phủ chúa*: dưng dưng, phê phán nhẹ nhạng nhưng thâm thuý cũng như dự cảm về sự suy tàn đang đến gần của triều Lê- Trịnh thế kỉ XVIII

***c. Kết luận:***

- Giá trị hiện thực sâu sắc làm nên giá trị đặc sắc của tác phẩm.

- Tài năng, nhân cách thanh cao của LHT.

**Tiết: 09-10**

**Làm Văn: THAO TÁC LẬP LUẬN PHÂN TÍCH**

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA THAO TÁC LẬP LUẬN PHÂN TÍCH**

**1.Tìm hiểu ngữ liệu**

- Sở Khanh là kẻ bẩn thỉu, bần tiện, đại diện cho  cho sự đồi bại trong xã hội “Truyện Kiều”.  
- Để thuyết phục tác giả đã đưa ra các luận cứ làm sáng tỏ cho luận điểm ( các yếu tố được phân tích).  
+ Sở Khanh sống bằng nghề đồi bại, bất chính.  
+ Sở Khanh là kẻ đồi bại nhất trong những kẻ làm cái nghề đồi bại bất chính đó: Giả làm người tử tế để đánh lừa một người con gái ngây thơ, hiếu thảo; trở mặt một cách trâng tráo; thường xuyên lừa bịp, tráo trở.  
- Thao tác phân tích kết hợp chặt chẽ với tổng hợp: Sau khi phân tích chi tiết bộ mặt lừa bịp, tráo trở của Sở Khanh, tác giả đã tổng hợp và khái quát bản chất của hắn: …” Nó là cái mức cao nhất của tình hình đồi bại trong xã hội này”.  
 **Kết luận:**  
- Lập luận phân tích là chia nhỏ đối tượng thành các yếu tố bộ phận để xem xét nội dung, hình thức và mối quan hệ bên trong cũng như bên ngoài của chúng, rồi khái quát, phát hiện ra bản chất của đối tượng.  
- Phân tích bao giờ cũng gắn liền với tổng hợp. Đó là bản chất của thao tác phân tích trong văn nghị luận.  
- Yêu cầu của một lập luận phân tích:  
+ Xác định vấn đề phân tích.  
+ Chia vấn đề thành những khía cạnh nhỏ.  
+ Khái quát tổng hợp.  
**2. Cách phân tích.**- Cần dựa trên những tiêu chí, quan hệ nhất định: ( Quan hệ giữa các yếu tố tạo nên đối tượng, quan hệ nhân quả, quan hệ giữa đối tượng với các đối tượng liên quan, quan hệ giữa người phân tích với đối tượng phân tích).  
- Phân tích cần đi sâu vào từng mặt, từng bộ phận nhưng cần lưu ý đến quan hệ giữa chúng với nhau, cần khái quát để rút ra bản chất chung của đối tượng.

- Nội dung ý kiến đánh giá của tác giả: Sở khanh là kẻ bẩn thỉu, bần tiện, đại diện của sự đồi bại trong Truyện Kiều.

- Các luận cứ (các yếu tố được phân tích)

+ Sở khanh sống bằng nghề đồi bại, bất chính..

+ Sở khanh là kẻ đồi bại nhất trong những kẻ làm nghề đồi bại: giả làm nguời tử tế để đánh lừa người con gái ngây thơ,trở mặt một cách trơ tráo.

- Thao tác phân tích kết hợp chặt chẽ với tổng hợp: sau khi phân tích người viết đã khái quát tổng hợp bản chất “cao nhất của sự đồi bại..”

**2. Ghi nhớ:**

- Phân tích là chia nhỏ đối tượng thành các yếu tố để xem xét một cách kĩ càng nội dung, hình thức và mối quan hệ bên trong cũng như bên ngoài của chúng.

- Phân tích bao giờ cũng gắn với tổng hợp.

**II. CÁCH PHÂN TÍCH**

**1. Tìm hiểu các ngữ liệu**

***a.Ngữ liệu ở mục I***.

- Phân chia dựa trên cơ sở quan hệ nội bộ trong bản thân đối tượng.

- Phân tích kết hợp chặt chẽ với tổng hợp: Từ việc phân tích làm nổi bật những biểu hiện bẩn thỉu, bần tiện mà khái quát giá trị hiện thực của nhân vật này- bức trranh vêd nhà chứa, tính đồi bại trong xã hội đương thời

***b. Ngữ liệu(1) ở mục II***

- Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng

- Phân tích theo quan hệ kết quả - nguyên nhân.

+ ND chủ yếu vẫn nhìn về mặt tác hại của đồng tiền

+ Vì một loạt hành động gian ác, bất chính đều do đồng tiền

chi phối

- Phân tích theo quan hệ nguyên nhân- kết quả: mặt tác quái của đồng tiền thái độ phê phán và khinh bỉ của ND khi nói đến đồng tiền

***c. Ngữ liệu (2) ở mục II.***

- Phân tích theo quan hệ nguyên nhân - kết quả: Bùng nổ dân số, ảnh hưởng đến đời sống của con người

- Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng.

**2. Ghi nhớ:**

- Khi phân tích, cần chia, tách đối tượng thành các yếu tố theo những tiêu chí, quan hệ nhất định

- Cần đi sâu vào từng yếu tố, từng khía cạnh song cần đặc biệt lưu ý đén quan hệ giữa chúng với nhau trong một chỉnh thể toàn vẹn, thống nhất.

**III. LUYỆN TẬP**

1.

a. Người viết đã phân tích đối tượng từ mối quan hệ giữa các bộ phận tạo nên đối tượng, tức là phân tích các từ ngữ tạo nên câu thơ để cho thấy diễn biến, các cung bậc tâm trạng của Thuý Kiều : đau xót, quẩn quanh và bàn hoàn, bế tắc.

b. Quan hệ giữa đối tượg này với đối tượng khác có liên quan.: Bài thơ “lời kĩ nữ” của XD với bài “Tì bà hành”của BCD.

2. NT sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh và cảm xúc(văng vẳng, trơ, cái hồng nhan, xiên ngang, đâm toạc, tí, con con)

- NT sử dụng từ trái nghĩa

- Lặp từ ngữ, phép tăng tiến

- Đảo trật tự cú pháp trong câu 5 và 6

***Tiết: 11-12***

***Làm văn:* LUYỆN TẬP THAO TÁC LẬP LUẬN PHÂN TÍCH**

* 1. **Bài tập 1**:

1. *Những biểu hiện và thái độ của tự ti:*

- Giải thích khái niệm tự ti: Tự ti là tự đánh giá thấp mình nên thiếu tự tin. Tự tin hoàn toàn khác với khiêm tốn

- Những biểu hiện của thái độ tự ti:

+ Không dám tin tưởng vào năng lực, sở trường, sự hiểu biết…, của mình

+ Nhút nhát, tránh những chỗ đông người

+ Không dám mạnh dạn đảm nhận những nhiệm vụ được giao…

- Tác hại của thái độ tự ti:

+ Sống thụ động, không phát huy hết năng lực vốn có,

+ Không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. *Những biểu hiện và tác hại của thái độ tự phụ*

- Khái niệm: Tự phụ là thái độ đề cao quá mức bản thân, tự cao, tự đại đến mức coi thường người khác. Tự phụ khác với tự hào.

* Những biểu hiện của thái độ tự phụ:

+ Luôn đề cao quá mức bản thân

+ Luôn tự cho mình là đúng

+ Khi làm được một việc gì đó lớn lao thì thậm chí còn tỏ ra coi thường người khác…

- Tác hại:

+ Không đánh giá đúng bản thân mình

+ Không khiêm tốn, không học hỏi, công việc dễ thất bại.

*c. Xác định thái độ hợp lí*:

Cần phải biết đánh giá đúng bản thân để phát huy hết những điểm mạnh cũng như có thể khắc phục hết những điểm yếu.

**2. Bài tập 2:**

- Phân tích nghệ thuật sử dụng các từ “lôi thôi, ậm ọe”.

→ Các từ láy tượng hình “lôi thôi” và tượng thanh “ậm ọe” giúp người đọc hình dung cụ thể hình dáng, cử chỉ, lời nói của họ.

- Phân tích biện pháp đảo trật tự từ. Nhằm nhấn mạnh và tăng sức khái quát về hình ảnh của các nho sinh và các quan trường. Từ đó thấy rõ sự nhếch nhác của nho sinh và sự oai vệ của quan trường.

- Phân tích hình ảnh vai đeo lọ của sĩ tử và miệng thét loa của quan trường.

+ Vai đeo lọ: Nho sinh đeo vật dụng đựng nước uống vào trường thi → lôi thôi, lếch thếch, nhếch nhác thiếu nghiêm túc. Dáng vẻ vất vả, tất tả

+ Miệng thét loa: Quan trường xuất hiện với vẻ oai phong để nạt nộ người khác. Qua đó thấy rõ sự huyên náo, lộn xộn của trường thi. Quan phải thét để ra oai vì chẳng ai nghe.

- Cảm nhận về cảnh thi: Đó là một trường thi thiếu sự tôn nghiêm, nhốn nháo, ô hợp và có phần lố bịch.

→ Nên chọn viết đoạn văn theo cấu trúc: Tổng – phân – hợp:

+ giới thiệu hai câu thơ và định hướng phân tích.

+ Phân tích cụ thể nghệ thuật sử dụng từ ngữ, hình ảnh, phép đảo cú pháp.

+ Nêu cảm nhận về chế độ thi cử ngày xưa dưới chế độ thực dân phong kiến.